

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số: 14/2020/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mỹ Đức, ngày 18 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Đồng ngU đơn:

+ Bà **Trần Thị U** sinh năm 1982.

+ Bà **Ngô Thị H** sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

+ Bà **Nguyễn Thị H** sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

+ Bà **Nguyễn Thị P** sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Bà **Bùi Thị H** sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Góc B, xã A, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh **Nguyễn Văn D** sinh năm 1981.

+ Anh **Nguyễn Văn Đ** sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

+ Anh **Phạm Văn T** sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

+ Ông **Chu Văn C** sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Gốc B, xã A, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc thanh toán trả nợ tiền phường:

- Các đương sự xác nhận chị Bùi Thị H đã tham gia chơi, lấy đủ 06 công phường chị Nguyễn Thị P làm chủ từ tiền chung của vợ chồng chị P, anh C nhưng còn nợ chưa đóng trả. Chị Bùi Thị H có nghĩa vụ trả tiền phường cho vợ chồng chị Nguyễn Thị P, anh Chu Văn C số tiền là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng.

- Các đương sự xác nhận chị Bùi Thị H đã tham gia chơi, lấy đủ 01 công phường chị Ngô Thị H làm chủ từ tiền chung của vợ chồng chị H, anh Đ nhưng còn nợ chưa đóng trả. Chị Bùi Thị H có nghĩa vụ trả tiền phường cho vợ chồng chị Ngô Thị H, anh Nguyễn Văn Đ số tiền là 36.000.000 (*Ba mươi sáu triệu*) đồng.

- Các đương sự xác nhận chị Bùi Thị H đã tham gia chơi, lấy đủ 11 công phường chị Nguyễn Thị H làm chủ từ tiền chung của vợ chồng chị H, anh T nhưng còn nợ chưa đóng trả. Chị Bùi Thị H có nghĩa vụ trả tiền phường cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Phạm Văn T số tiền là 312.390.000 (*Ba trăm mười hai triệu ba trăm chín mươi nghìn*) đồng.

- Các đương sự xác nhận chị Bùi Thị H đã tham gia chơi, lấy đủ 03 công phường chị Trần Thị U làm chủ từ tiền chung của vợ chồng chị U, anh D nhưng còn nợ chưa đóng trả. Chị Bùi Thị H có nghĩa vụ trả tiền phường cho vợ chồng chị Trần Thị U, anh Nguyễn Văn D số tiền là 183.620.000 (*Một trăm tám mươi ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn*) đồng.

2.2. Về hợp đồng vay tài sản:

Các đương sự xác nhận chị Bùi Thị H còn nợ vợ chồng chị Trần Thị U, anh Nguyễn Văn D tiền vay nợ gốc là 365.000.000 đồng; nợ lãi theo quy định từ tháng 01/2019 đến hết tháng 02/2020 là 60.000.000 đồng. Chị Bùi Thị H có nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho chị Trần Thị U, anh Nguyễn Văn D tổng số tiền là 425.000.000 (*Bốn trăm hai mươi lăm triệu*) đồng.

Chị Bùi Thị H phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Trần Thị U, anh Nguyễn Văn D tổng số tiền là 608.620.000 đồng (*nợ tiền phường là 183.620.000 đồng, nợ tiền vay là 425.000.000 đồng*).

2.3. Về lãi suất:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật {*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*} hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án {*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*} cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2.4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Bị đơn chấp nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, sau khi đã được miễn giảm một phần, số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn phải chịu là 11.500.000 (Mười một triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Hoàn trả lại cho các ngU đơn bà Trần Thị U và bà Nguyễn Thị P 7.000.000 (Bảy triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002630 ngày 17/01/2020; bà Ngô Thị H 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002631 ngày 17/01/2020 và bà Nguyễn Thị H 6.000.000 (Sáu triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002633 ngày 20/01/2020 đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Mỹ Đức;
- Chi cục THADS Mỹ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Mạnh Thắng